TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v: " Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Quý
Bà Trương Thị Hồng Xuân
- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về: "*Kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 9 năm 21019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ánh Q; sinh năm: 1976
Địa chỉ: Số 49, đường Lê Hữu Lập, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Hoàng Hoàng Thị T; sinh năm: 1952
Địa chỉ: Khu 6, TT Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019, tại bản tự khai ngày 15/6/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Ánh Q trình bày:

Ngày 19/4/2014, bà Hoàng Thị T có vay của chị số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay. Đến hạn trả nợ, đã nhiều lần chị đã yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ nhưng bà T không trả. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019, bà Hoàng Thị T trình bày: Vào tháng 4 năm 2014 do đang có khó khăn về kinh tế nên bà có hỏi vay của chị Q số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lúc đó anh Nguyễn Bá Ng (là người cùng khu với bà) có nói nhờ bà vay hộ của chị Q cho anh Ng thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bà đã đứng ra vay của chị Q 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng),

trong đó của bà là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và của anh Ng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tiền lãi mỗi tháng bà phải trả cho chị Q là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Sau khi vay tiền của chị Q, hàng tháng bà đều trả tiền lãi đầy đủ nhưng khi trả tiền lãi thì không viết giấy biên nhận. Đến khoảng tháng 11 năm 2014 thì bà đi Nam Định chăm con bà sinh cháu nhỏ, ở nhà bà trả lãi cho chị Q còn thiếu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nên bà đã trả lãi cho chị Q bằng hình thức chuyển khoản cho chị Q. Sau đó bà có trả lãi cho chị Q thêm được mấy tháng nữa thì gia đình bà gặp khó khăn quá nên không trả lãi tiếp cho chị Q được. Chị Q cũng đã nhiều lần hỏi nợ nhưng bà không có tiền để trả cho chị Q. Đến trước ngày bà nhận được Thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị Q thì chị Q đã đến nhà bà để yêu cầu bà viết lại giấy vay tiền và bà cũng đồng ý viết lại giấy vay tiền theo yêu cầu của chị Q. Viết giấy xong bà cũng đã nói với chị Q là sẽ đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần vì điều kiện gia đình đang khó khăn nhưng chị Q không đồng ý mà làm đơn khởi kiện bà. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả số tiền gốc đã vay, bà cũng đồng ý trả nợ nhưng xin được trả dần. Nếu chị Q không đồng ý, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND):

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đại diện VKSND đề nghị áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự (Sau đây viết tắt là BLDS). Chấp nhận yêu cầu của của chị Nguyễn Ánh Q, buộc bà Hoàng Thị T phải trả cho chị Nguyễn Ánh Q số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Về án phí: Bà Hoàng Thị T là người cao tuổi, tại phiên tòa bà T đề nghị được miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án, đề nghị HĐXX xem xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do bà T vay tiền của chị Q số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), đến hạn trả nợ, bà T chưa trả nợ cho chị Q nên chị Q khởi kiện bà T ra Tòa án yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ. Đây là quan hệ tranh chấp "Kiện đòi tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương

sự, nhưng bà T không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Bà T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Về nội dung:

4.1. Bà Hoàng Thị T có vay của chị Nguyễn Ánh Q số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), việc này cả hai bên đều thừa nhận và được thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 19/4/2014 mà chị Q đã xuất trình cho tòa án, phía cuối có chữ ký và chữ viết ghi rõ họ và tên của bà Hoàng Thị T. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa chị Q và bà T đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

4.2. Bà Hoàng Thị T cho rằng bà vay tiền của chị Q với mức lãi suất là 5%/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng 15.000.000đ/tháng nhưng bà T không xuất trình cho Tòa án bất cứ tài liệu nào thể hiện bà vay lãi cao nên không có đủ căn cứ xác định việc chị Q cho bà T vay tiền với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

4.3. Bà Hoàng Thị T cho rằng, bà chỉ vay của chị Q số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là bà vay hộ anh Nguyễn Bá Ng. Tuy nhiên trong giấy vay tiền ngày 19/4/2014 giữa chị Q và bà T chỉ ghi "Tôi có vay của chị Q ở Sầm Sơn số tiền là 100.000.000đ", trong giấy không nhắc đến việc bà T vay hộ anh Nguyễn Bá Ng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Chị Q cũng không đồng ý với ý kiến của bà T vì chị cho rằng chị chỉ cho bà T vay tiền, không liên quan đến anh Ng nên chị yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả nợ cho chị Q số tiền bà đã vay, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện này của bà T.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị T là người cao tuổi (theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi), tại phiên tòa bà T đề nghị được miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án, nghĩ cần chấp nhận yêu cầu này của bà Hoàng Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, khoản 1 Điều 466 BLDS năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ánh Q, buộc bà Hoàng Thị T phải trả cho chị Nguyễn Ánh Q số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dan sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T, trả lại cho chị Nguyễn Ánh Q số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003631 ngày 06/5/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Ánh Q và bà Hoàng Thị T. Chị Q và bà T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Quách Hà Vính **Lưu Đình Tâm** **Phạm Văn Hùng**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng